

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Hoạt động trồng trọt trong tháng 10/2024 tập trung chủ yếu vào việc chăm sóc các loại cây trồng vụ Mùa.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Mùa năm 2024 ước đạt 16.476,3 ha, tăng 3,7% (+584,1 ha) so vụ Mùa năm 2023; trong đó, diện tích cây lúa ước đạt 4.520,3 ha, tăng 4,4% (+190,3 ha); diện tích cây trồng cạn ước đạt 11.956 ha, tăng 3,4% (+393,8 ha) so với cùng kỳ.

Tính đến ngày 22/10/2024, đã thu hoạch 1.108 ha diện tích lúa vụ Mùa, tăng 18,1% (+170 ha) so với cùng kỳ; năng suất thu hoạch ước đạt 47,3 tạ/ha, tăng 1,7% (+0,8 tạ/ha) so với cùng kỳ; sản lượng thu hoạch ước đạt 5.240,8 tấn, tăng 20,2% (+879,1 tấn) so với cùng kỳ.

Về cây trồng cạn năm 2024, tính đến ngày 22/10/2024 toàn tỉnh đã gieo trồng được: Cây ngô đạt 8.720,7 ha, tăng 0,5% (+46,9 ha); lạc đạt 11.817,2 ha, tăng 7,5% (+829,2 ha); rau các loại đạt 15.874,5 ha, giảm 3,7% (-611,9 ha); đậu các loại đạt 2.009,5 ha, tăng 6,5% (+122,5 ha) so với cùng kỳ.

Các ngành chức năng tăng cường kiểm tra đôn đốc công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; phát triển chăn nuôi và tiêm phòng vaccine cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

Về số đầu con, số lượng đàn trâu hiện có 14.342 con, giảm 8,3% (-1.300 con) so cùng kỳ. Đàn bò đạt 308.613 con, tăng 1,5% (+4.653 con) so cùng kỳ; trong đó, đàn bò sữa nuôi trong các trang trại, gia trại, hộ là 2.256 con, tăng 1,7% (+38 con) so cùng kỳ. Đàn lợn (không kể lợn con chưa tách mẹ) đạt 695.743 con, tăng 2,4% (+16.107 con) so cùng kỳ. Đàn gia cầm đạt 10.059,4 nghìn con, tăng 1,8% (+180,3 nghìn con) so cùng kỳ; trong đó, đàn gà 8.446,8 nghìn con, tăng 1,7% (+140,4 nghìn con) so cùng kỳ.

Ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng và sản phẩm chăn nuôi 10 tháng năm 2024: Thịt trâu hơi đạt 1.210 tấn, giảm 10,1% (-136 tấn) so cùng kỳ; thịt bò hơi đạt 31.668 tấn, tăng 1,5% (+464,2 tấn); sản lượng sữa đạt 9.424,7 tấn, tăng 0,5% (+43,7 tấn); thịt lợn hơi đạt 119.454 tấn, tăng 5,6% (+6.288,6 tấn); thịt gia cầm hơi đạt 24.159 tấn, tăng 3,9% (+910,6 tấn); trong đó, sản lượng gà hơi đạt 20.855,6 tấn, tăng 5,6% (+1.107,7 tấn).

1.2. Lâm nghiệp

Từ đầu năm đến nay diện tích trồng rừng tập trung ước đạt 2.818,3 ha, tăng 59,4% (+1.050,7 ha) so với cùng kỳ.

Ước tổng số gỗ khai thác toàn tỉnh tháng 10/2024 đạt 157.523 m³, tăng 0,9% (+1.401 m³) so với cùng kỳ; tổng số gỗ khai thác 10 tháng năm 2024 ước đạt 1.210.590 m³, tăng 4,1% (+47.555,2 m³) so với cùng kỳ. Toàn bộ gỗ từ rừng trồng chủ yếu làm nguyên liệu để chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ.

Ước tổng số củi khai thác tháng 10/2024 đạt 48.990 ster, tăng 1% (+470 ster) so với cùng kỳ, nâng tổng số củi khai thác trong 10 tháng năm 2024 ước đạt 437.669 ster, giảm 0,3% (-1.105,4 ster) so với cùng kỳ; lượng củi khai thác chủ yếu là các cành cây tận dụng từ nguồn khai thác gỗ, như: Bạch đàn, keo...

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy rừng, giảm 66,7% (-4 vụ) với diện tích rừng bị cháy là 10,5 ha, giảm 55,9% (-13,3 ha) so cùng kỳ; xảy ra 34 vụ phá rừng, tăng 17,2% (+5 vụ), diện tích bị phá rừng 17,4 ha, tăng gấp 2,7 lần (+10,9 ha) so cùng kỳ.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 10 năm 2024 ước đạt 24.079,8 tấn, tăng 2,2% (+506,8 tấn) so cùng kỳ. Cộng dồn 10 tháng năm 2024 ước đạt 254.186,4 tấn, tăng 2,7% (+6.565,6 tấn) so với cùng kỳ.

- Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 240.781,7 tấn, tăng 2,6% (+6.101,7 tấn); Sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 238.107,5 tấn, tăng 2,6% (+6.033 tấn), riêng khai thác cá ngừ đại dương ước đạt 12.425,4 tấn, giảm 1,2% (-148,1 tấn) so với cùng kỳ.

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 13.404,7 tấn, tăng 3,6% (+463,9 tấn), riêng tôm thẻ chân trắng ước đạt 8.780,6 tấn, tăng 1,2% (+105,6 tấn).

Sản xuất giống tôm thẻ chân trắng 10 tháng năm 2024 ước đạt 1.386,4 triệu con, giảm 26% (-487,7 triệu con) so với cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 năm 2024 so với tháng trước tăng 0,48%. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 14,44%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,13%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 8,05%; hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải giảm 1,92%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2024 tăng 9,57% so cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 9,2%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,01%; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 13,73%; hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 23,19%.

Mười tháng năm 2024, Tỉnh đã kịp thời nắm bắt tình hình, đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển. Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2024 tăng 9,67%.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng tăng 13,83%. Trong đó, khai thác quặng kim loại giảm 33,77%, do một số mỏ đã cạn nguồn quặng và một số mỏ đã hết hạn khai thác; hoạt động khai khoáng khác tăng 20,21% chủ yếu là khai thác đất đá phục vụ xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,11%. Trong đó, nhóm ngành tăng cao như: Chế biến thực phẩm; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,95%. Trong đó, điện sản xuất giảm 1,5% do thủy điện chiếm cơ cấu lớn 60% nhưng sản lượng giảm mạnh (các tháng đầu năm ít mưa, hồ chứa tập trung tích nước phục vụ sản xuất nông nghiệp). Ngược lại, nắng nóng nền nhiệt cao tạo thuận lợi cho các nhà máy điện năng lượng mặt trời hoạt động, sản lượng tăng cao; tuy nhiên do chiếm cơ cấu chỉ 40% nên tổng chung điện sản xuất giảm so cùng kỳ. Thời tiết nắng nóng người dân sử dụng thiết bị điều hòa tăng mạnh và các doanh nghiệp tăng sản xuất nên lượng điện tiêu thụ điện cao, do đó điện thương phẩm tăng 16,31%.

Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,82%. Trong đó, khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 7,42%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 10,32%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải tăng 23,6% do UBND tỉnh bổ sung kinh phí để tăng tần suất và mở rộng phạm vi thu gom trên địa bàn tỉnh.

2.2. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động tháng 10 năm 2024 tăng 1,83% so với tháng trước do ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế sử dụng nhiều lao động đang có nhu cầu tuyển dụng công nhân phục vụ sản xuất. Trong đó, Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,01%; Sản xuất và phân phối điện giảm 0,74%; Cung cấp nước, quản lý và xử lý

rác thải, nước thải tăng nhẹ 0,09%; riêng công nghiệp khai khoáng giữ ổn định so tháng trước.

Chỉ số sử dụng lao động tháng 10 năm 2024 tăng 7,31% so cùng kỳ do một số doanh nghiệp mới đi vào hoạt động và mở rộng sản xuất. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 2,81%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,83%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 0,67%; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,98%.

Theo loại hình doanh nghiệp, so với cùng kỳ chỉ số sử dụng lao động tháng 10 năm 2024 của khối doanh nghiệp Nhà nước tăng 3,67%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 6,43%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 16,13%.

3. Đầu tư

Đầu tư công có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng. Công tác giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh Bình Định được Ủy ban nhân dân tỉnh đặt lên hàng đầu, đặc biệt năm 2024 lại là năm sắp kết thúc nhiệm kỳ 5 năm giai đoạn 2021 – 2025; Vì vậy, việc giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý lại cần phải tiến hành nhanh chóng, đúng luật định, nhằm đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.

Trong những năm qua tỉnh Bình Định luôn là điểm sáng của giải ngân vốn đầu tư công. Mười tháng năm 2024 tỉnh vẫn nằm trong nhóm các tỉnh có tốc độ giải ngân cao của cả nước và khu vực Miền Trung. Hầu hết các mục tiêu đề ra đều được đảm bảo. Trên tinh thần của Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đến hết quý III/2024 toàn tỉnh phải giải ngân đạt trên 60% tổng kế hoạch vốn, đến hết quý IV/2024 đạt trên 90%; đến hết ngày 31/01/2025 phấn đấu giải ngân 100% vốn đầu tư công kế hoạch vốn năm 2024. Đến nay mục tiêu này đã được tỉnh đảm bảo. Tốc độ giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng năm 2024 ước đạt 71% kế hoạch năm và hầu hết các nguồn vốn đều đã giải ngân đúng tiến độ.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2024 ước đạt 768 tỷ đồng, tăng 2,4% so tháng trước và tăng 11,2% so cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2024, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 6.569,2 tỷ đồng, giảm 6,4% so cùng kỳ năm 2023, đạt 71% kế hoạch năm, trong đó:

- Vốn Ngân sách cấp tỉnh đạt 3.525,5 tỷ đồng, giảm 10,2%, đạt 56,5%;

- Vốn Ngân sách cấp huyện đạt 2.312,9 tỷ đồng, giảm 1%, đạt 76,7%;
- Vốn Ngân sách cấp xã đạt 730,8 tỷ đồng, giảm 3%.

4. Hoạt động ngân hàng

Ước tính đến cuối tháng 10/2024, tổng số dư huy động của hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định ước đạt 109.800 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ và tăng 5,2% so với tháng 12 năm 2023.

Tổng dư nợ cho vay tính đến 31/10/2024 ước đạt 108.750 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ và tăng 4,9% so với tháng 12 năm 2023.

Ước đến 31/10/2024 nợ xấu trên địa bàn tỉnh chiếm 0,8% so với tổng dư nợ.

5. Thương mại, dịch vụ

5.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 10/2024, tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 9.238,2 tỷ đồng, giảm 0,7% so với tháng trước, tăng 8,5% so cùng kỳ năm trước; trong đó:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 7.148 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 5,5% so cùng kỳ, chiếm 77,4% trong tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng;
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.297,7 tỷ đồng, giảm 9,2% so với tháng trước và tăng 25,7% so cùng kỳ, chiếm 14% trong tổng mức, trong đó, dịch vụ lưu trú đạt 185,6 tỷ đồng, giảm 15,7% so với tháng trước và tăng 20% so với cùng kỳ; dịch vụ ăn uống đạt 1.112,1 tỷ đồng, giảm 8% so với tháng trước và tăng 26,5% so cùng kỳ;
- Doanh thu du lịch lữ hành đạt 71,6 tỷ đồng, chiếm 0,8% trong tổng mức, giảm 26,9% so tháng trước, tăng 91,3% so cùng kỳ;
- Doanh thu dịch vụ khác đạt 720,9 tỷ đồng, chiếm 7,8%, giảm 4% so với tháng trước và tăng 8,5% so cùng kỳ.

Mười tháng năm 2024, hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra sôi động, lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, không có biến động bất thường về giá các mặt hàng thiết yếu, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với cùng

kỳ. Thị trường tiêu thụ được mở rộng, đa dạng các hình thức khuyến mại, lượng cung hàng hóa dồi dào, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 97.592,1 tỷ đồng, tăng 13,5%; đạt trên 84% kế hoạch năm.

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa 10 tháng năm 2024 ước tính đạt 74.046 tỷ đồng, chiếm 75,9% tổng mức và tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vật phẩm, văn hóa, giáo dục tăng 19,2%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 12,1%; xăng dầu tăng 21,2%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 31,9% so với cùng kỳ.

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 10 tháng năm 2024 ước tính đạt 14.713,9 tỷ đồng, chiếm 15,1% tổng mức, tăng 31,2% so cùng kỳ, bao gồm: doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 2.363,8 tỷ đồng, tăng 38,6%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 12.350,1 tỷ đồng, tăng 29,8%.

- Doanh thu du lịch lữ hành đạt 869,3 tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức, tăng 41,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động dịch vụ khác 10 tháng năm 2024 ước tính đạt 7.962,9 tỷ đồng, chiếm 8,1% tổng mức, tăng 20% so với cùng kỳ.

5.2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

a. Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 10/2024 ước đạt 121,3 triệu USD, tăng 6,9% so tháng trước và giảm 7,9% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2024, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 1.398,5 triệu USD, tăng 11,1% so với cùng kỳ, đạt 84,8% kế hoạch năm 2024.

Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu tăng là: Hàng thủy sản ước đạt 102,7 triệu USD, tăng 3%; sản phẩm từ chất dẻo (chủ yếu bàn ghế nhựa giả mây) đạt 158,7 triệu USD, tăng 30,1%; mặt hàng gỗ ước đạt 340,6 triệu USD, tăng 19,3%; sản phẩm gỗ đạt 356,7 triệu USD, tăng 17%; hàng dệt may ước đạt 286,8 triệu USD, tăng 6,2%; giày dép các loại ước đạt 4,6 triệu USD, tăng 46,6% so cùng kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu giảm: gạo ước đạt 43,4 triệu USD, giảm 25,9%; sản phẩm từ sắn chủ yếu là tinh bột ước đạt 64,9 triệu USD, giảm 6,9%; quặng và khoáng sản khác ước đạt 23,9 triệu USD, giảm 14,6% so cùng kỳ.

Xuất khẩu trực tiếp 10 tháng năm 2024 ước đạt 1.389,8 triệu USD, chiếm 99,4% kim ngạch xuất khẩu. Các mặt hàng được xuất khẩu đến 111 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 châu lục. Trong đó, Châu Á đạt 540,9 triệu USD, chiếm 38,9%; Châu Âu đạt 268,4 triệu USD, chiếm 19,3%; Châu Mỹ đạt 538,1 triệu USD, chiếm 38,7% trong kim ngạch xuất khẩu trực tiếp.

b. Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 10/2024 ước đạt 40,3 triệu USD, giảm 11,5% so tháng trước và tăng 15,1% so cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2024, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 371,5 triệu USD, tăng 3,5% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó, một số mặt hàng nhập khẩu tăng khá như: nguyên phụ liệu dược phẩm đạt 17 triệu USD, tăng 3,6%; vải các loại đạt 65 triệu USD, tăng 4,5%; nguyên liệu dùng cho ngành dệt, may, giày dép ước đạt 78,2 triệu USD, tăng 35,1%; Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng đạt 44,8 triệu USD, tăng 16,2%.

Một số mặt hàng nhập khẩu giảm như: thủy sản đạt 66,6 triệu USD, giảm 10%; Thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt 32,4 triệu USD, giảm 20,3%; phân bón các loại 19,9 triệu USD, giảm 24,2%.

5.3. Vận tải hành khách và hàng hóa

a. Vận tải hành khách

Tổng lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thủy tháng 10/2024 ước đạt 4.244 nghìn hành khách, luân chuyển 423,3 triệu HK.km. So tháng trước, vận chuyển giảm 2,9%, luân chuyển giảm 3,9%. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 23,9%, luân chuyển tăng 21,5%.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thủy ước đạt 41.520 nghìn hành khách, luân chuyển 4.233,1 triệu HK.km. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 21,2%, luân chuyển tăng 23,7%.

Số lượng chuyến bay đến Bình Định trong tháng 10 là 264 chuyến (trung bình mỗi ngày hơn 8 chuyến bay) giảm 44 chuyến so với tháng 10/2023 (308 chuyến). Tổng số chuyến bay 10 tháng năm 2024 là 3.536 chuyến, giảm 993 chuyến bay so với cùng kỳ năm 2023.

b. Vận tải hàng hoá

Tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy tháng 10/2024 ước đạt 3.128,8 nghìn tấn, luân chuyển 418,8 triệu tấn.km. So tháng trước, vận chuyển giảm 5,2%, luân chuyển giảm 2,7%. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 19,5%, luân chuyển tăng 12,5%.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy ước đạt 30.093.2 nghìn tấn, luân chuyển 4.158,3 triệu tấn.km. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 10,1%, luân chuyển tăng 7,7%.

Hàng hoá thông qua cảng biển tại địa phương trong tháng 10 năm 2024 ước đạt 1.170 nghìn TTQ, giảm 3,2% so với tháng trước, giảm 5,2% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, ước đạt 12.165,5 nghìn TTQ, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước.

c. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ và bưu chính, chuyển phát

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy và bưu chính, chuyển phát tháng 10/2024 ước đạt 1.040,5 tỷ đồng, giảm 3,1% so tháng trước, tăng 14,5% so cùng kỳ. Trong đó, vận tải hành khách đạt 200,7 tỷ đồng, giảm 2,7% so tháng trước, tăng 24,1% so cùng kỳ; vận tải hàng hóa đạt 523,4 tỷ đồng, giảm 2,4% so tháng trước, tăng 14,3% so cùng kỳ; dịch vụ kho bãi và hoạt động hỗ trợ vận tải khác đạt 314,2 tỷ đồng, giảm 4,6% so tháng trước, tăng 9,6% so cùng kỳ; bưu chính, chuyển phát đạt 2,2 tỷ đồng, giảm 5,9% so tháng trước, tăng 3,7% so cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi ước đạt 10.210,7 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ; cụ thể, doanh thu các ngành: Vận tải hành khách ước đạt 1.992,1 tỷ đồng, tăng 32%; vận tải hàng hóa ước đạt 5.071,3 tỷ đồng, tăng 9,3%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 3.122,2 tỷ đồng, tăng 14,5%; bưu chính, chuyển phát ước đạt 25,1 tỷ đồng, tăng 9,4%.

6. Chỉ số giá

6.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Bình Định tháng 10 năm 2024 tăng 0,54% so tháng trước; tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,61% so với tháng 12 năm trước; bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 2,73% so với cùng kỳ.

So tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 07 nhóm tăng giá so với tháng trước như: Nhóm giáo dục tăng 4,87%; nhóm giao thông tăng 0,58%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,49%; nhóm hàng hóa và dịch vụ

khác tăng 0,15%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,12%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,03%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%. Có 03 nhóm có chỉ số giảm: nhóm nhà ở, điện nước chất đốt và VLXD giảm 0,14%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,02%; nhóm văn hóa, giải trí du lịch giảm 0,2%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2024 tăng 2,61% so với tháng 12/2023 và tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước;

CPI bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 2,73% so với bình quân cùng kỳ năm 2023; Trong đó, có 10 nhóm chỉ số tăng; tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng 9,97%; Kế tiếp là nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,20%; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,48%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,26%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,82%; Nhóm giao thông tăng 1,76%; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 1,64%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,48%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,16%; Tăng thấp nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%. Ngược lại, có 01 nhóm giảm là nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,46%.

6.2. Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá vàng thế giới tăng tiếp tục tăng, đã ảnh hưởng đến giá vàng trong nước tăng. Giá vàng tại thị trường trong tỉnh bình quân tháng 10 ở mức 8.131 ngàn đồng/chỉ, tăng 6,61% so với tháng trước; tăng 36,09% so với tháng 12/2023 và tăng 45,66% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 29,98% so cùng kỳ.

Giá đô la Mỹ bình quân tháng 10 năm 2024 là 25.127 VNĐ/USD, tăng 1,40% so tháng trước; tăng 2,82% so với tháng 12/2023 và tăng 2,23% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 5,11% so cùng kỳ.

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Tình hình đời sống dân cư

Trong tháng 10/2024, tình hình đời sống dân cư tương đối ổn định. Công tác chăm lo an sinh xã hội, đời sống vật chất cho các đối tượng chính sách tiếp tục được thực hiện; công tác giảm nghèo được quan tâm, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án hỗ trợ cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người dân.

7.2. Tình hình dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe

Trong tháng 10/2024, ngành Y tế tỉnh Bình Định tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ các địa phương trên địa bàn tỉnh xử lý dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng. Tuy nhiên, số ca dịch bệnh sốt xuất huyết và dịch tay chân miệng vẫn còn ở mức cao (dịch sốt xuất huyết 381 ca, dịch tay chân miệng 48 ca). Không có trường hợp tử vong do dịch bệnh.

7.3. Tai nạn giao thông

Trong tháng 10/2024 (từ ngày 15/9/2024 đến ngày 14/10/2024) trên địa bàn tỉnh xảy ra 37 vụ tai nạn giao thông và va chạm, tăng 42,3% (+11 vụ) so tháng trước, giảm 64,1% (-66 vụ) so cùng kỳ năm trước; số người chết là 25 người, tăng 31,6% (+6 người) so tháng trước, giảm 3,8% (-1 người) so với cùng kỳ; số người bị thương là 19 người, tăng 46,2% (+6 người); giảm 83,6% (-97 người) so với cùng kỳ năm 2023.

Trong tháng, lực lượng cảnh sát giao thông đã kiểm tra, xử lý 6.330 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, phạt tiền hơn 11 tỷ đồng, tạm giữ 2.515 lượt phương tiện vi phạm, tước giấy phép lái xe có thời hạn 925 trường hợp.

Tính chung 10 tháng năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra toàn tỉnh xảy ra 393 vụ tai nạn giao thông, tăng 1,3% (+5 vụ); số người chết là 183 người, giảm 16,8% (-37 người); số người bị thương là 293 người, tăng 5,4% (+15 người) so với cùng kỳ năm trước.

7.4. Tình hình văn hóa, thể dục thể thao

- Nhân kỷ niệm ngày mất Anh hùng Nguyễn Trung Trực, sáng 13 tháng 10 (nhằm ngày 11 tháng 9 âm lịch), tại Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực (thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải, huyện Phù Cát), Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh long trọng tổ chức Lễ giỗ 156 năm (1868 - 2024) ngày mất Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực.

- Trong tháng 10/2024 đã tổ chức thành công giải bóng chuyền nam - nữ kết hợp Khối thi đua các ban và cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy năm 2024.

7.5. Tình hình vi phạm môi trường

Trong tháng 10/2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 05 vụ vi phạm môi trường, tăng 66,7% (+02 vụ) so với tháng trước, giảm 58,3% (-07 vụ) so với cùng kỳ năm trước; đã xử lý 09 vụ, tăng 125% (+05 vụ) so với tháng trước, giảm 25% (-03 vụ) so với cùng kỳ năm trước; đã xử phạt 95 triệu đồng, tăng 578,6% (+81 triệu đồng) so với tháng trước, giảm 69,2% (-213,6 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn mười tháng đầu năm 2024, đã phát hiện 52 vụ vi phạm môi trường, giảm 16,1% (-10 vụ) so với cùng kỳ năm trước; đã xử lý 58 vụ, giảm 7,9% (-05 vụ) so cùng kỳ năm trước; đã xử phạt 739,7 triệu đồng, giảm 41,5% (-524 triệu đồng).

7.6. Tác động do thiên tai

Tình hình thiên tai, hỏa hoạn trong tháng 10/2024 không phát sinh./.